TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2022.
V/v: "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh

2. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 91/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm: 1993

Nơi cư trú: số 10, đường số 42, thôn 8, xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2.*Bị đơn*: Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Số 142, đường Phan Bội Châu, khu phố 10, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/4/2022; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/5/2022

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, biên bản tự khai, biên bản không hòa giải được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều M trình bày: Chị và anh D tự nguyên tìm hiểu được khoảng 1 năm thì đi đến kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND TT.Đức Tài vào năm 2014. Sau khi kết hôn thì anh chị về nhà nhà cha mẹ chồng chung sống đến năm 2016 thì xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh D thường xuyên chơi đá gà, số đề, đánh bài bạc phải cầm cố, bán tài sản chung để chơi; không chăm lo cho gia đình. Hiện nay anh chị đã ly thân từ 2019 cho đến nay. Khi xẩy ra mâu thuẫn thì anh chị tự hòa giải nhưng anh D không thay đổi sửa chữa. Hiện nay chị xác định không còn tình cảm với anh D, chị yêu cầu ly hôn.

Theo bản tự khai ngày 13/5/2022 có trong hồ sơ, bị đơn Nguyễn Tiến D trình bày: anh và chị M tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị có mâu thuẫn về tình cảm, tài chính trong gia đình. Nay chị M làm đơn khởi kiện ly hôn thì anh không đồng ý.

-Về con chung: Nguyễn Hải N, sinh ngày 05/12/2014

Hiện nay con đang ở cùng anh D. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 Tòa án xác định đây là vụ án: "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tống đạt, thông

báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kiều M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12/04/2022; anh Nguyễn Tiến D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/5/2022. Hội đồng xét xử xét thấy rằng nội dung và hình thức của đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Chị Nguyễn Thị Kiều M và anh Nguyễn Tiến D có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2013 tại UBND TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh đến cuối năm 2021 thì xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh chị tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn về tài chính trong gia đình. Thấy rằng, lời khai của anh chị là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị M xác định không còn tình cảm với anh D nữa và cương quyết ly hôn. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh D không tham gia, cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và các cháu. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết về án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì chị M là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều M:

1/Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều M ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2/Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị Kiều M phải chịu 300.000đồng án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0009203 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị M đã nộp đủ án phí DSST.

3/Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;
- Thi hành án DS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
-UBND TT.Đức Tài,
huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
-Lưu hồ sơ, quyết định./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Thuận